

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Biên.

2. Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Phương Th, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Làng Cúng, xã Đạo Đức, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hà G, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Độc Lập, xã Đạo Đức, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Dược sĩ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 26/4/2023 của nguyên đơn và cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ chị Lê Phương Th trình bày: Chị Th và anh Nguyễn Hà G trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Đức, huyện V, tỉnh H vào ngày 08/10/2020, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01/2022 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm đến nhau, mâu thuẫn của vợ chồng chưa nhờ cơ quan nào giải quyết mà chỉ được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được đời sống chung, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay, vợ chồng chị không còn quan

tâm chăm sóc đến nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Chị Th xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Nguyễn Hà G để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th và anh G có một con chung: Cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/11/2020; Hiện nay cháu đang ở với chị Th tại thôn Làng Cúng, xã Đạo Đức, huyện V, tỉnh H. Ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Th không yêu cầu anh Nguyễn Hà G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Trong quá trình chung sống chị Th, anh G chưa tạo dựng được khối tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hà G trình bày tại đơn trình bày ý kiến ghi ngày 26/5/2023 và ngày 07/6/2023 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải có nội dung: Anh G và chị Th hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Đức, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh chung sống hạnh phúc được 2 năm, đến tháng 10/2022 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó chị Th xin về bên bố mẹ đẻ ăn giỗ, từ đó không về, anh có sang bảo chị Th về thì chị Th không về, mâu thuẫn của vợ chồng chưa nhờ chính quyền địa phương giải quyết mà chỉ được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được, vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, nay chị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, anh G hoàn toàn nhất trí để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/11/2020, hiện nay cháu N đang ở với chị Th tại thôn Làng Cúng, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H. Ly hôn anh G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Lê Phương Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh G không có tài sản, công nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa chị Th giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Nguyễn Hà G; Về con chung chị Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/11/2020 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Nguyễn Hà G phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Chị Th có ý kiến thêm nếu Tòa án quyết định cho anh G được nuôi cháu N, chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi là 2.000.000đ/ tháng.

Tại phiên tòa anh G giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn với chị Lê Phương Th; Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp HĐXX cho anh được quyền nuôi con thì anh G không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh G có ý kiến thêm nếu Hội đồng xét xử quyết định cho chị Th được nuôi cháu N anh G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là 1.000.000đ/ tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Lê Phương Th đối với anh Nguyễn Hà G.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Phương Th được ly hôn anh Nguyễn Hà G.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/11/2020 cho chị Lê Phương Th; Địa chỉ: Thôn Làng Cúng, xã Đạo Đức, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc N trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 28/6/2023.

Anh Nguyễn Hà G cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Ngọc N 1.000.000đ/tháng và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị Th và anh G xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lê Phương Th về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hà G được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Hà G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh G là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 10/2022 vợ, chồng chị Th, anh G phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th có đơn xin ly hôn với anh G. Tòa án thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh G cuộc sống chung không hoà hợp (hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến thời điểm ly hôn), mục đích hôn nhân không đạt được. Bên cạnh đó, anh G cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh G là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Th và anh G xác định có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/11/2020. Tại phiên tòa chị Th và anh G đều giữ nguyên vọng xin được nuôi con chung. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/11/2020, từ khi vợ chồng chị Th và anh G sống ly thân cho đến thời điểm chị Th xin ly hôn anh G thì cháu N cháu mới được 2 tuổi 6 tháng 29 ngày, cháu lại là nữ, nếu giao cháu bố nuôi dưỡng, chăm sóc thì sẽ rất bất tiện cho cháu khi vài ba năm nữa cháu sẽ bước vào lứa tuổi thay đổi về thể chất, về tâm sinh lý, ở lứa tuổi này rất cần sự hướng dẫn, gần gũi của người mẹ. Hơn nữa, hiện tại chị Th có thời gian, có đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc và nuôi dưỡng giáo dục cháu N. Do vậy, HĐXX xét thấy giao cháu Nguyễn Ngọc N cho chị Lê Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hà G về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc N là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Th và anh G xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh G phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Quyền kháng cáo: Chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Hà G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Lê Phương Th đối với anh Nguyễn Hà G.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Hà G.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/11/2020 cho chị Lê Phương Th, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Làng Cúng, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 28/6/2023.

Anh Nguyễn Hà G cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Ngọc N 1.000.000đ/tháng (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi kể từ ngày 01/7/2023. Chị Lê Phương Th, địa chỉ: Thôn Làng Cúng, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

Anh Nguyễn Hà G được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Lê Phương Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002570 ngày 05 tháng 5 năm 2023. (Chị Th đã nộp đủ án phí). Anh Nguyễn Hà G phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Phương Th, anh Nguyễn Hà G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Đạo Đức,
huyện V, tỉnh H;
- Chi cục THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân